

GIẢNG DẠY LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ THEO HƯỚNG PHÁT TRIỂN TƯ DUY PHẢN BIỆN TRONG BỐI CẢNH HỘI NHẬP

NGUYỄN THỊ TIẾN
NGUYỄN TẤN DŨNG
Trường Đại học Xây dựng Miền Trung

Nhận bài ngày 10/12/2025. Sửa chữa xong 20/01/2026. Duyệt đăng 27/01/2026.

Abstract

International integration imposes new requirements on political theory teaching at the university level, with an emphasis on developing students' critical thinking. Based on the role of critical thinking in knowledge acquisition and the formation of political competence, this article identifies requirements for renewing teaching methods and assessment practices. It highlights three key directions: linking theoretical content with concrete integration-related issues, organizing guided critical discussion activities, and implementing competency-based assessment to enhance the quality of political theory education in higher education.

Keywords: *Critical thinking, higher education, integration, political theory, students.*

1. Đặt vấn đề

Quá trình hội nhập quốc tế (HNQT) sâu rộng đang tạo ra những biến đổi mạnh mẽ trên nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội, từ kinh tế, chính trị đến văn hóa, giáo dục. Trong bối cảnh đó, giáo dục đại học (GDĐH) Việt Nam đứng trước yêu cầu không chỉ truyền đạt tri thức mà còn phải hình thành cho người học những năng lực cốt lõi để thích ứng với môi trường toàn cầu hóa, HNQT. Đại hội XIII (2021) của Đảng nhấn mạnh: "Tạo đột phá trong đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo. Tiếp tục đổi mới đồng bộ mục tiêu, nội dung, chương trình, phương thức, phương pháp giáo dục và đào tạo theo hướng hiện đại, HNQT... Chú trọng hơn giáo dục đạo đức, năng lực sáng tạo và các giá trị cốt lõi, nhất là giáo dục tinh thần yêu nước, lòng tự hào, tự tôn dân tộc; khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam XHCN. Gắn giáo dục tri thức, đạo đức, thẩm mỹ, kỹ năng sống với giáo dục thể chất, nâng cao tầm vóc con người Việt Nam [2, tr. 136-137]."

Sự phát triển của xã hội đã và đang đưa tới giáo dục những thách thức lớn. Trước sự phát triển của thời đại, giảng viên (GV) ở các trường đại học đã và đang nỗ lực không ngừng trang bị cho sinh viên (SV) những kiến thức về chuyên môn mà còn bồi dưỡng cho họ những kỹ năng mềm. Một trong những kỹ năng mềm quan trọng là kỹ năng phản biện, tư duy phản biện (TDPB). Đối với giảng dạy LLCT, bối cảnh hội nhập vừa mở ra những cơ hội mới, vừa đặt ra không ít thách thức. SV ngày nay tiếp cận lượng thông tin đa dạng, đa chiều, thậm chí trái chiều về các vấn đề chính trị - xã hội thông qua mạng xã hội và truyền thông quốc tế. Điều này đòi hỏi việc giảng dạy LLCT không thể dừng lại ở việc truyền đạt hệ thống tri thức lý luận một cách khô cứng mà cần hướng tới việc phát triển TDPB, giúp SV biết phân tích, đánh giá và tiếp nhận thông tin một cách có chọn lọc, trên cơ sở khoa học và định hướng giá trị đúng đắn. Từ thực tiễn đó, bài viết tập trung làm rõ yêu cầu, cơ hội và những giới hạn của việc giảng dạy LLCT theo hướng phát triển TDPB trong bối cảnh hội nhập hiện nay, đồng thời đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả giảng dạy LLCT theo hướng phát triển TDPB trong các trường đại học.

Email: nguyenthitien@muce.edu.vn

2. Yêu cầu phát triển tư duy phản biện trong giảng dạy Lý luận chính trị cho sinh viên

2.1. Khái niệm tư duy phản biện

Theo từ điển tiếng Việt, “Tư duy là giai đoạn đỉnh cao của quá trình nhận thức, đi sâu vào bản chất và phát hiện ra tính quy luật của sự vật bằng những biểu tượng, khái niệm, phán đoán và suy lý” [8]. Khi tìm hiểu rõ về các khái niệm tư duy của các tác giả trong nước và thế giới, chúng ta biết rằng tư duy là quá trình nhận thức phản ánh những thuộc tính bản chất để tìm ra những mối liên hệ có tính quy luật của sự vật, hiện tượng mà chúng ta chưa biết. Tư duy phản biện có nguồn từ triết lý phân tích và chủ nghĩa kiến tạo thực dụng từ 2500 năm trước như trong kinh Phật cũng như trong truyền thống Socrat của Hy Lạp, là những chất vấn nhằm tìm kiếm sự thật, được dùng để xác định xem những kiến thức dựa trên thẩm quyền liệu có thể được đánh giá lại một cách có lý lẽ với sự rõ ràng và nhất quán về logic hay không? Vì vậy, có thể hiểu TDPB là quá trình tư duy nhằm chất vấn để xác thực một quan điểm, luận điểm gì đó. Đó là lắng nghe ý kiến của người khác một cách tham khảo và có chọn lọc, đồng thời vận dụng trí tuệ, khả năng phân tích, đánh giá các khía cạnh của vấn đề. TDPB không phải sự hoài nghi, càng không phải đang cố đi ngược lại ý kiến của người khác [5].

Sinh thời nói đến TDPB thì hình ảnh Hồ Chí Minh là một người luôn có tinh thần phản biện về mọi phương diện, ý thức, cách thức, đề tài, nội dung. Có một lần trả lời một phụ nữ Pháp có con đi lính ở Việt Nam, Người cũng dùng cách phản đề, một phản đề hết sức có lý, lại có tình, không chỉ trả lời một người mà là tuyên ngôn của cả một cuộc kháng chiến chính nghĩa với thế giới: “Các bà yêu đất nước mình, các bà mong muốn nước mình được độc lập và thống nhất. Nếu có kẻ nào tìm cách xâm phạm nền độc lập và sự thống nhất ấy, thì tôi tin chắc rằng các bà sẽ đấu tranh đến cùng để bảo vệ nó. Chúng tôi cũng thế, chúng tôi yêu Tổ quốc Việt Nam của chúng tôi, chúng tôi cũng muốn Tổ quốc chúng tôi độc lập và thống nhất. Liệu các bà có kết tội chúng tôi vì chúng tôi đã đấu tranh chống những kẻ tìm cách chinh phục và chia cắt Tổ quốc chúng tôi không?” [5, tr. 302]. Cũng thời gian Người ở Pháp, một phóng viên Mỹ hỏi: “Nếu Chủ tịch cần phải quốc hữu hóa thì sẽ quốc hữu hóa những doanh nghiệp nào? Người trả lời: Những doanh nghiệp nào dùng vào việc chế tạo bom nguyên tử” [5, tr. 273]. Sự thật là, thời đó (1946) và cho tận hôm nay chúng ta chưa hề có bom nguyên tử, câu trả lời tưởng đi thẳng vào vấn đề nhưng thực chất lại là một sự tố cáo đế quốc Mỹ, vì năm 1945 Mỹ thả bom nguyên tử xuống hai thành phố Nhật Bản làm hàng nghìn dân vô tội chết oan, hàng vạn người nhiễm độc. Với bản chất nhân đạo, vì hạnh phúc của dân, Chính phủ Việt Nam sẽ không bao giờ đi theo, làm theo Chính phủ Mỹ. Thế cho nên phải hiểu rộng ra câu trả lời là nếu Việt Nam “quốc hữu hóa” thì cũng chỉ là việc làm có lợi cho dân Việt Nam. Có thể coi đây như một mẫu mực về cách lập luận phản đề, phản biện “thấu lý đạt tình”.

Trong bối cảnh hội HNQT sâu rộng và chuyển đổi số mạnh mẽ, đổi mới GDĐH ở Việt Nam đang đặt ra yêu cầu chuyển từ mô hình đào tạo chủ yếu trang bị kiến thức sang mô hình phát triển năng lực người học. Theo đó, SV không chỉ cần nắm vững tri thức chuyên môn mà còn phải có khả năng tư duy độc lập, phân tích, đánh giá và giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn xã hội. TDPB vì vậy trở thành một trong những năng lực cốt lõi mà GDĐH cần hướng tới hình thành và phát triển cho SV. Kỹ năng TDPB là kỹ năng suy nghĩ vượt lên trên những phân tích và logic theo lối mòn thông thường. Đó là một quá trình tư duy nhằm chất vấn các giả định hay giả thiết, là cách để khẳng định rằng một nhận định nào đó là đúng hay sai, đôi khi đúng hay có phần đúng. Định nghĩa đã gợi mở thêm cho nhận thức của chúng ta về TDPB và sự thực hành TDPB trong thực tế đó là tư duy có suy xét, phân tích, đánh giá, tìm hiểu thông tin và cả sự hoài nghi tích cực (nếu có) để từ đó lập luận và chứng minh lập luận bằng những thông tin đã được kiểm chứng để đưa ra một kết luận cuối cùng mang tính thuyết phục, phù hợp với thực tiễn và quy luật logic nhằm giải quyết các vấn đề đặt ra.

Từ việc phân tích các định nghĩa về TDPB, qua đó làm rõ nội hàm của khái niệm TDPB và chỉ ra các đặc điểm, yêu cầu của người có TDPB, bước đầu đưa ra định nghĩa về TDPB như sau: Tư duy phản biện là khả năng vận dụng kiến thức, kinh nghiệm để xác định, phân tích, suy luận và đánh giá một vấn đề nào đó dựa trên các tiêu chuẩn trí tuệ trước khi đưa ra kết luận hay quyết định nhằm giải quyết hiệu quả vấn đề

đặt ra. Từ đó có thể thấy, để có TDPB con người cần có các khả năng sau đây: Hiểu được kết nối logic giữa các ý tưởng; Xác định, xây dựng và đánh giá các lập luận; Phát hiện các mâu thuẫn và sai lầm phổ biến thường gặp trong lập luận; Giải quyết vấn đề một cách hệ thống; Nhận ra sự liên quan và tầm quan trọng của các ý tưởng; Phản xạ biện minh về niềm tin và giá trị của một người/sự vật/sự việc. Cụ thể, đối với SV đại học, để hình thành năng lực TDPB phục vụ quá trình học tập, SV cần: Xác định được những vấn đề quan trọng, những vấn đề còn tranh cãi. Biết phân tích, diễn giải, đánh giá chất lượng thông tin thu được từ đối tượng. Biết suy xét những quan điểm khác nhau, biết đánh giá các giả thuyết, giải pháp khác nhau và đưa ra được lập luận, quan điểm của riêng mình... Kết quả cuối cùng của TDPB là đưa ra một lời nhận định của riêng cá nhân về vấn đề nào đó. Vì vậy, nó là cơ sở để hình thành năng lực tư duy độc lập - tiêu chí cơ bản để đánh giá một con người có khả năng trở thành một chuyên gia, một nhà khoa học hay không.

2.2. Sự cần thiết giảng dạy Lý luận chính trị theo hướng phát triển tư duy phản biện trong bối cảnh hội nhập

Thực tiễn cho thấy, trong môi trường thông tin đa chiều hiện nay, SV thường xuyên tiếp cận nhiều quan điểm, cách lý giải khác nhau về các vấn đề kinh tế, chính trị, xã hội. Nếu thiếu TDPB người học dễ rơi vào tình trạng tiếp nhận thông tin một chiều, thiếu kiểm chứng hoặc bị chi phối bởi các luận điểm cảm tính, cực đoan. Ngược lại, khi được rèn luyện TDPB, SV có khả năng đặt câu hỏi, phân tích bối cảnh, đối chiếu các nguồn thông tin và hình thành quan điểm cá nhân trên cơ sở khoa học và lập luận chặt chẽ. Đối mới GDĐH hiện nay cũng nhấn mạnh việc phát huy vai trò chủ thể của người học trong quá trình dạy - học. SV không còn là đối tượng thụ động tiếp nhận tri thức mà trở thành chủ thể tích cực tham gia vào quá trình chiếm lĩnh kiến thức thông qua thảo luận, tranh luận và phản biện. Điều này đòi hỏi phương pháp giảng dạy phải tạo điều kiện cho SV thể hiện chính kiến, bảo vệ quan điểm và tôn trọng sự khác biệt trong khuôn khổ các chuẩn mực khoa học và giá trị xã hội. Từ góc độ đó, phát triển TDPB không chỉ là yêu cầu của đổi mới phương pháp giảng dạy mà còn là thước đo quan trọng phản ánh chất lượng đào tạo của GDĐH. Việc chú trọng rèn luyện TDPB góp phần hình thành cho SV năng lực tự học, khả năng thích ứng với những biến đổi nhanh chóng của đời sống xã hội, đồng thời tạo nền tảng để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong bối cảnh HNQT hiện nay.

Trong môi trường học tập truyền thống, bài giảng của GV thường tập trung chủ yếu vào nội dung và kiến thức của bài học, môn học. Trong hoàn cảnh đó, GV đóng vai trò trung tâm. Mọi kiến thức truyền đạt từ người thầy được xem là đúng đắn, là "chân lý", người học gần như không được phản biện để hiểu tường tận và tự mình kiểm chứng vấn đề kiến thức. Những năm gần đây, xu hướng giáo dục đã thay đổi. Nhiều hệ thống giáo dục tiên tiến đã thực hành phát huy vai trò trung tâm của người học, tạo điều kiện thuận lợi cho người học tham gia tích cực vào bài, chủ động lĩnh hội kiến thức. SV đã dần quen với việc lật ngược lại vấn đề, đặt câu hỏi về các hiện tượng và bản chất của khoa học, kinh tế - xã hội cũng như cách ứng dụng lý thuyết vào thực tiễn học tập, sinh hoạt, nghề nghiệp... Việc thay đổi xu hướng và phương pháp đào tạo như trên đã được ngành Giáo dục hưởng ứng tích cực trong khoảng hơn 10 năm trở lại đây. Ngoài việc thay đổi phương pháp giảng dạy, nhiều trường đại học đã chính thức đưa vào chương trình đào tạo tất cả các ngành những học phần với tên gọi cụ thể như: TDPB, tư duy phê phán, tư duy biện luận ứng dụng... SV sẽ được trang bị cách học, cách ứng xử, cách tư duy, cách lập luận... hiệu quả, chuyên nghiệp trong môi trường học tập, nghiên cứu ở đại học, sau đại học cũng như chuẩn bị cho thực hành nghề nghiệp sau khi ra trường.

Trong bối cảnh HNQT và bùng nổ thông tin hiện nay, giáo dục chính trị - tư tưởng cho SV đứng trước yêu cầu đổi mới mạnh mẽ cả về nội dung và phương thức tổ chức. SV không chỉ tiếp nhận tri thức từ nhà trường mà còn chịu tác động sâu sắc từ các luồng thông tin đa chiều trên không gian mạng, trong đó không ít quan điểm sai lệch, xuyên tạc các vấn đề chính trị - xã hội. Điều này đòi hỏi giáo dục chính trị - tư tưởng phải chú trọng rèn luyện cho SV năng lực phân tích, đánh giá và phản biện thông tin trên cơ sở khoa học và định hướng giá trị đúng đắn. SV có kỹ năng TDPB sẽ áp dụng các tiêu chuẩn trí tuệ đó khi thực hiện các thao tác của kỹ năng, bao gồm: Xác định và phân tích vấn đề, suy luận và đánh giá thông tin liên quan vấn đề, giải quyết vấn đề.

Văn kiện Đại hội XIII của Đảng nhấn mạnh yêu cầu: “Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ phương pháp dạy và học theo hướng hiện đại; phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo và vận dụng kiến thức, kỹ năng của người học”. Trong tinh thần đó, phát triển TDPB không đối lập với mục tiêu củng cố niềm tin chính trị mà là điều kiện quan trọng để SV hiểu sâu bản chất các vấn đề lý luận, tránh tiếp thu một cách máy móc, hình thức.

Những tiêu chí công dân toàn cầu này cho thấy chúng có nhiều điểm tương đồng với các tiêu chuẩn đầu ra của nhiều ngành nghề đào tạo trong các trường đại học ở Việt Nam. Trong xu thế quốc tế hóa hiện nay, Việt Nam cũng không thể tách biệt khỏi dòng chảy của sự phát triển và hội nhập. Vì vậy, để tiến hành thành công quá trình HNQT, nền giáo dục của nước ta không chỉ xây dựng chuẩn đầu ra theo nhu cầu của từng ngành, nghề của nền kinh tế - xã hội quốc gia mà cần phải xây dựng những tiêu chí đầu ra phù hợp với tiêu chí chung của thế giới.

3. Thực trạng và những điều kiện thuận lợi để phát triển tư duy phản biện trong giảng dạy Lý luận chính trị

3.1. Về phát triển tư duy phản biện trong giảng dạy các môn Lý luận chính trị

Các môn học LLCT trang bị cho người học kiến thức cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối quan điểm của Đảng, chính sách và luật pháp Nhà nước; truyền thống và văn hóa của dân tộc; tiếp thu giá trị nhân văn và tinh hoa của nhân loại vận dụng cho phù hợp với điều kiện thực tế của Việt Nam. Nói về vai trò của các môn LLCT, Hồ Chủ tịch đã khẳng định: “Không có lý luận cách mạng thì không có phong trào cách mạng” và “Chỉ có một đảng có lý luận tiên phong hướng dẫn thì mới có thể làm tròn được vai trò chiến sĩ tiên phong” [4, tr. 92]. Do đó, “Trong nhận thức và giải quyết các mối quan hệ lớn, phản ánh các quy luật mang tính biện chứng, những vấn đề lý luận cốt lõi trong đường lối đổi mới của Đảng, cần chú trọng hơn đến: bảo đảm định hướng XHCN; xây dựng, hoàn thiện quan hệ sản xuất tiến bộ phù hợp; phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ môi trường; bảo vệ Tổ quốc XHCN; giữ vững độc lập, tự chủ và phát huy quyền làm chủ của nhân dân [2, tr. 119-120].

Thực tế, trong thời gian dài vừa qua, Việt Nam chú trọng dạy học các môn thuộc khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật và công nghệ. Có giai đoạn coi nhẹ dạy học Lý luận Mác-Lênin, hợp nhất 3 bộ môn của chủ nghĩa Mác thành môn học. Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin (Dành cho sinh viên đại học, cao đẳng, khối không chuyên ngành Chủ nghĩa Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh). Điều đó ảnh hưởng không nhỏ đến thế giới quan và phương pháp luận của một lớp SV. Vì vậy, Đảng đã chỉ rõ cần phải “Chú trọng phát triển đồng bộ khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật và công nghệ, khoa học xã hội và nhân văn, khoa học lý luận chính trị” [2, tr. 140]. Đại hội XIII của Đảng khẳng định tiếp tục kiên định và vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và CNXH; kiên định đường lối đổi mới của Đảng; kiên định các nguyên tắc xây dựng Đảng để xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam XHCN. Để làm được điều đó, cần phải: “Tăng cường giáo dục thế hệ trẻ về lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hóa, nâng cao lòng yêu nước, tự hào dân tộc, nuôi dưỡng ước mơ, hoài bão, khát vọng vươn lên; nêu cao tinh thần trách nhiệm đối với xã hội...” [2, tr. 68].

Trong những năm gần đây, công tác giảng dạy các môn LLCT trong các trường đại học đã có nhiều chuyển biến tích cực, từng bước đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và đào tạo. Nội dung chương trình được điều chỉnh theo hướng tinh gọn, cập nhật hơn với thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội và đường lối, chủ trương của Đảng, Nhà nước. Một số cơ sở GDĐH đã chú trọng đổi mới phương pháp giảng dạy, tăng cường thảo luận, liên hệ thực tiễn, qua đó góp phần nâng cao nhận thức chính trị và định hướng tư tưởng cho SV. Đại hội XIII đánh giá: “Công tác đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị được đổi mới cả về nội dung và phương pháp; tăng cường quản lý, kỷ luật trong giảng dạy, học tập; chất lượng đào tạo, bồi dưỡng được nâng lên” [2, tr. 170]. Phương pháp giáo dục, bồi dưỡng cũng được thay đổi theo hướng tích cực, hiện đại, ứng dụng những thành tựu của khoa học - công nghệ hiện đại vào hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, quản lý, đánh giá thái độ, kết quả học tập, rèn luyện. Nhờ đó, chất lượng, hiệu quả của công tác giáo dục lý luận chính trị từng bước được cải thiện, góp phần đáng kể khắc phục tình trạng “ngại học, lười học lý luận chính trị, dạy và học hình thức” [2, tr. 170].

Tuy nhiên, nhìn chung việc giảng dạy các môn LLCT vẫn còn bộc lộ không ít hạn chế. Công tác giảng dạy LLCT ở các trường đại học hiện nay đang đặt ra nhiều thách thức. Phương pháp giảng dạy ở nhiều lớp học vẫn thiên về thuyết trình, truyền thụ kiến thức một chiều, chú trọng ghi nhớ nội dung hơn là phát triển năng lực tư duy. SV thường ở trạng thái tiếp nhận thụ động, ít đặt câu hỏi, ngại tranh luận và phản biện các vấn đề lý luận gắn với thực tiễn. Điều này khiến việc học tập các môn LLCT chưa thực sự tạo được hứng thú và chưa phát huy đầy đủ vai trò hình thành TDPB cho người học. Bên cạnh đó, hình thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập chủ yếu vẫn dựa vào thi viết cuối kỳ, tập trung kiểm tra mức độ tái hiện kiến thức hơn là đánh giá khả năng phân tích, lập luận và vận dụng lý luận vào thực tiễn. Quy mô lớp học đông, thời lượng học phần hạn chế cùng với áp lực hoàn thành chương trình cũng ảnh hưởng không nhỏ đến việc tổ chức các hoạt động dạy học theo hướng phát huy tính chủ động, sáng tạo của SV.

Những hạn chế trên cho thấy, mặc dù đã có những nỗ lực đổi mới, việc giảng dạy các môn LLCT hiện nay vẫn chưa thực sự đáp ứng yêu cầu phát triển TDPB cho SV trong bối cảnh GDĐH hiện đại, đòi hỏi cần có những giải pháp đồng bộ và hiệu quả hơn trong thời gian tới. Đảng nhấn mạnh: “Phát triển nguồn nhân lực, giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu nhân lực chất lượng cao của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và HNQT là một trong những nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm. Theo đó, chuyển mạnh quá trình giáo dục từ chủ yếu trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học; từ học chủ yếu trên lớp sang tổ chức hình thức học tập đa dạng, chú ý dạy và học trực tuyến, qua internet, truyền hình, các hoạt động xã hội, ngoại khóa, nghiên cứu khoa học; giáo dục nhà trường kết hợp với giáo dục gia đình và giáo dục xã hội. Đào tạo con người theo hướng có đạo đức, kỷ luật, kỷ cương, ý thức trách nhiệm công dân, xã hội; có kỹ năng sống, kỹ năng làm việc, khả năng ngoại ngữ, công nghệ thông tin, công nghệ số, có tư duy sáng tạo và HNQT. Phấn đấu đến năm 2030, nền giáo dục Việt Nam đạt trình độ tiên tiến trong khu vực... Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ phương pháp dạy và học theo hướng hiện đại; phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo và vận dụng kiến thức, kỹ năng của người học” [2, tr. 232-234].

Nhận thức đúng vị trí, vai trò và tầm quan trọng của công tác giảng dạy LLCT, Đảng ta luôn quan tâm chỉ đạo, tìm tòi, cải tiến, đổi mới nội dung, phương thức tiến hành nhằm phát triển TDPB khoa học của GV, sinh viên LLCT. Tuy nhiên, vấn đề là chủ thể tiếp nhận nhận thức chưa đầy đủ về phát triển TDPB khoa học, ít quan tâm coi trọng, thậm chí né tránh phản biện khoa học. Tâm lý cho rằng, phản biện khoa học là tìm ra những cái sai, hạn chế, thiếu sót của người này hay người khác và coi đó là đụng chạm, soi mói nên thường im lặng, không dám bày tỏ ý kiến của mình. Không được phản biện những vấn đề gay gắt về chương trình, nội dung môn học Lý luận Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh; đường lối, chủ trương của Đảng, Nhà nước, về chuyên môn, phương pháp giảng dạy, mà các cơ quan chức năng cho là nhạy cảm; tất cả những bất cập đó làm cho tư duy phản biện khoa học của GV LLCT mất đi sức sống, không có khả năng phát triển.

Có thể nói, TDPB khoa học ngày càng có vai trò quan trọng đối với sự tiến bộ của của đội ngũ trí thức nói chung, GV LLCT nói riêng. Do đó, phát TDPB khoa học của GV, sinh viên LLCT là một yêu cầu cơ bản. Qua phản biện khoa học, ý kiến của người dạy được chủ thể tiếp nhận phản biện lắng nghe sẽ tạo một vòng phản hồi hiệu quả, chương trình, nội dung môn học ngày càng phù hợp với đặc thù đối tượng SV của mỗi trường đại học, chất lượng giảng dạy, uy tín của các cơ sở đào tạo được nâng lên.

3.2. Những điều kiện thuận lợi để phát triển tư duy phản biện trong giảng dạy Lý luận chính trị

3.2.1. Nội dung lý luận chính trị gắn với các vấn đề toàn cầu trong bối cảnh hội nhập

Các môn LLCT đề cập đến nhiều vấn đề có tính phổ quát như Đảng chính trị, nhà nước, quyền lực, dân chủ, công bằng xã hội, phát triển bền vững... Đây đều là những chủ đề được thảo luận rộng rãi trong bối cảnh HNQT. Việc đặt các vấn đề LLCT trong mối liên hệ so sánh giữa Việt Nam và thế giới tạo điều kiện thuận lợi để SV tiếp cận đa chiều, từ đó phát triển TDPB. Qua trao đổi với SV trong giờ học về nội dung về công bằng xã hội, GV nhận thấy nhiều SV cho rằng trong nền kinh tế thị trường, bất bình đẳng thu nhập là điều “tất yếu” và khó có thể khắc phục. Một số SV bày tỏ quan điểm rằng việc theo đuổi công bằng xã hội có thể làm giảm động lực phát triển kinh tế. Từ thực tế này, GV định hướng SV phân tích mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và tiến bộ, công bằng xã hội trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng XHCN.

Qua trao đổi, SV dần nhận thức rõ hơn rằng công bằng xã hội không đồng nghĩa với cào bằng mà là bảo đảm cơ hội phát triển cho các nhóm xã hội khác nhau.

3.2.2. Sinh viên có điều kiện tiếp cận nguồn thông tin đa dạng

Sự phát triển của công nghệ thông tin và truyền thông giúp SV dễ dàng tiếp cận các nguồn tri thức trong và ngoài nước. Đây là cơ sở quan trọng để tổ chức các hoạt động học tập mang tính phân tích, tranh luận và phản biện, nếu được GV định hướng và kiểm soát phù hợp. Thực tiễn giảng dạy cho thấy khi thảo luận về dân chủ XHCN, nhiều SV nêu ra các mô hình dân chủ ở một số quốc gia phương Tây làm chuẩn mực so sánh, từ đó đặt câu hỏi về tính đặc thù của mô hình dân chủ ở Việt Nam. Thông qua việc đối chiếu các quan niệm khác nhau về dân chủ, GV hướng dẫn SV phân tích dân chủ dưới góc độ lịch sử - xã hội cụ thể, qua đó giúp SV hiểu rằng dân chủ là một giá trị phổ quát nhưng có cách thức tổ chức và thực hiện khác nhau tùy điều kiện mỗi quốc gia. Trong quá trình học tập, một số SV tiếp cận các thông tin trên mạng xã hội có nội dung đơn giản hóa hoặc xuyên tạc một số sự kiện lịch sử. Điều này dẫn đến sự hoài nghi hoặc hiểu chưa đầy đủ về vai trò lãnh đạo của Đảng trong các giai đoạn lịch sử. GV hướng dẫn SV đối chiếu với các nguồn tư liệu lịch sử chính thống với các thông tin trên mạng, từ đó rèn luyện khả năng phân tích, đánh giá và lựa chọn thông tin một cách khoa học.

3.2.3. Xu hướng đổi mới phương pháp giảng dạy trong giáo dục đại học

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và HNQT, GDĐH đang đứng trước yêu cầu đổi mới mạnh mẽ về mục tiêu, nội dung và phương pháp giảng dạy nhằm đáp ứng nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho xã hội. Thực tiễn cho thấy, phương pháp giảng dạy truyền thống, nặng về truyền thụ kiến thức một chiều, không còn phù hợp với yêu cầu phát triển năng lực người học trong điều kiện hiện nay. Do đó, đổi mới phương pháp giảng dạy đã trở thành xu hướng tất yếu của GDĐH ở nhiều quốc gia, trong đó có Việt Nam.

Một trong những xu hướng nổi bật là chuyển từ dạy học lấy người dạy làm trung tâm sang dạy học lấy người học làm trung tâm. Đảng xác định: “Đào tạo con người theo hướng có đạo đức, kỷ luật, kỷ cương, ý thức trách nhiệm công dân, xã hội; có kỹ năng sống, kỹ năng làm việc, ngoại ngữ, công nghệ thông tin, công nghệ số, tư duy sáng tạo và hội nhập quốc tế” [2, tr. 233]. Theo hướng tiếp cận này, GV không chỉ đóng vai trò truyền đạt kiến thức mà còn là người tổ chức, hướng dẫn và định hướng quá trình học tập của SV. Trong thực tiễn giảng dạy, việc tăng cường các hoạt động thảo luận, làm việc nhóm, nghiên cứu tình huống đã giúp SV chủ động hơn trong tiếp cận kiến thức, đồng thời phát triển các kỹ năng tư duy, giao tiếp và hợp tác. Bên cạnh đó, dạy học theo hướng phát triển năng lực đang trở thành xu hướng chủ đạo trong GDĐH. Thay vì chú trọng đánh giá khả năng ghi nhớ kiến thức, phương pháp giảng dạy mới hướng tới việc hình thành và phát triển các năng lực cốt lõi của SV như năng lực TDPB, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực vận dụng kiến thức vào thực tiễn. Thực tiễn cho thấy, khi được tham gia vào các hoạt động học tập gắn với tình huống thực tế, SV có điều kiện phát huy tính sáng tạo và khả năng tư duy độc lập.

Như vậy, xu hướng đổi mới phương pháp giảng dạy trong GDĐH hiện nay là quá trình chuyển đổi toàn diện, hướng tới phát triển năng lực người học, tăng cường tính chủ động và khả năng thích ứng của SV trong bối cảnh HNQT. Đây cũng là nền tảng quan trọng để nâng cao chất lượng đào tạo và đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững của GDĐH Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.

4. Kết luận

Trong bối cảnh HNQT sâu rộng và chuyển đổi mạnh mẽ của GDĐH giảng dạy LLCT theo hướng phát triển TDPB không chỉ là yêu cầu đổi mới phương pháp mà còn là nhiệm vụ chiến lược nhằm hình thành bản lĩnh chính trị, năng lực nhận thức và khả năng hành động có trách nhiệm của SV. Việc phát huy TDPB giúp SV tiếp cận các vấn đề lý luận - thực tiễn một cách khoa học, chủ động, tránh giáo điều, từ đó củng cố niềm tin, lập trường tư tưởng và khả năng phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong môi trường thông tin đa chiều hiện nay. Để đạt được mục tiêu này cần thực hiện đồng bộ các giải pháp như: đổi mới nội dung và phương pháp giảng dạy theo hướng lấy người học làm trung tâm; tăng cường các hình thức học tập tích cực gắn với thực tiễn xã hội; nâng cao năng lực sư phạm, trình độ lý luận và bản lĩnh chính trị của đội ngũ GV; đồng thời hoàn thiện cơ chế đánh giá theo hướng coi trọng năng lực tư

duy, lập luận và phản biện. Chỉ khi giảng dạy LLCT thực sự trở thành quá trình đối thoại học thuật và định hướng giá trị, việc phát triển TDPB cho SV mới đạt hiệu quả bền vững, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và đáp ứng yêu cầu xây dựng, bảo vệ Tổ quốc trong thời kỳ hội nhập.

Tài liệu tham khảo

- [1] Ban Chấp hành Trung ương (2025), *Nghị quyết số 71-NQ/TW, ngày 22/8/2025 về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo*.
- [2] Đảng Cộng sản Việt Nam (2021). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII* (tập 1). NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
- [3] Đinh Thị Quỳnh Hà (2024). *Phát triển tư duy phản biện cho sinh viên trong giáo dục đại học*. Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam, tập 20, số 01.
- [4] *Hồ Chí Minh Toàn tập* (tập 1, 2011). NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
- [5] *Hồ Chí Minh Toàn tập* (tập 4, 2011). NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
- [6] Phạm Minh Hạc (2017). *Giáo dục Việt Nam trước yêu cầu phát triển và hội nhập*. NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
- [7] Trần Tuyền, Nguyễn Thị Hiệp (2020). *Phát triển kỹ năng phản biện cho sinh viên*. Tạp chí Khoa học quản lý giáo dục, số 04 (28), tháng 12.
- [8] Viện Ngôn ngữ học (1988). *Từ điển Tiếng Việt*. NXB Từ điển Bách khoa, Hà Nội.

VẬN DỤNG PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC TRẢI NGHIỆM...

Tiếp theo trang 36

3. Kết luận

Việc vận dụng phương pháp DHTN trong giảng dạy văn bản “Đường đời đầu tiên” (trích *Dế Mèn phiêu lưu ký*) của Tô Hoài đã cho thấy tính phù hợp và hiệu quả rõ rệt trong việc đổi mới dạy học Ngữ văn ở bậc trung học cơ sở. “*Bên cạnh những triết lý hiển lộ trên bề mặt ngôn từ, trong Bài học đường đời đầu tiên, chất triết lý còn ẩn chìm bên dưới những tầng băng ngôn từ. Nó tồn tại ở dạng vô ngôn mà người đọc phải thông qua hình tượng nhân vật, diễn biến câu chuyện cùng kinh nghiệm sống của bản thân để nhận ra*” [8]. Thông qua các hình thức tổ chức dạy học đa dạng như nêu vấn đề, thảo luận nhóm, sân khấu hóa, đọc mở rộng và tích hợp công nghệ thông tin, HS được tham gia trực tiếp vào quá trình khám phá và chiếm lĩnh tri thức, từ đó nâng cao hứng thú học tập và chất lượng tiếp nhận tác phẩm văn học. Phương pháp DHTN không chỉ giúp HS hiểu sâu nội dung và giá trị nghệ thuật của văn bản mà còn tạo điều kiện phát triển các năng lực cốt lõi như năng lực đọc hiểu, tư duy phản biện, giao tiếp, hợp tác và sáng tạo. Đặc biệt, thông qua việc trải nghiệm và suy ngẫm về hành động, tâm lý nhân vật Dế Mèn, HS tự rút ra những bài học ý nghĩa về thái độ sống, trách nhiệm cá nhân và sự trưởng thành trong cuộc sống, góp phần hình thành và bồi dưỡng phẩm chất đạo đức một cách bền vững. Có thể khẳng định rằng, việc vận dụng phương pháp DHTN trong giảng dạy văn bản “Đường đời đầu tiên” không chỉ đáp ứng yêu cầu đổi mới phương pháp dạy học theo định hướng Chương trình giáo dục phổ thông 2018 mà còn góp phần nâng cao hiệu quả giáo dục toàn diện cho HS. Trong thời gian tới, GV cần tiếp tục nghiên cứu, linh hoạt vận dụng phương pháp này vào các văn bản khác của chương trình Ngữ văn nhằm phát huy tối đa tính tích cực, chủ động và sáng tạo của người học.

Tài liệu tham khảo

- [1] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018). *Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT, ngày 26/12/2018 ban hành Chương trình Giáo dục phổ thông môn Ngữ văn*.
- [2] Hiền Nguyễn (2020). *Nhà văn Tô Hoài: Những giai thoại để thêm yêu “ông Dế mèn”*. Nguồn: <https://bvhttdl.gov.vn/nha-van-to-hoai-nhung-giai-tohai-de-them-yeu-ong-de-men-20200926094411696.htm>, ngày 27/9/2020.
- [3] Phạm Thị Thu Hương (2024). “*Dế Mèn phiêu lưu ký*” và những thông điệp giáo dục ý nghĩa. Nguồn: <https://vhvnt.binhthuan.gov.vn/News/lyluanphebinh/2024/08/2310.aspx>, ngày 22/8/2024.
- [4] Phong Lê (giới thiệu), Văn Thanh (tuyển chọn) (2000). *Tô Hoài về tác gia và tác phẩm*. NXB Giáo dục, Hà Nội.
- [5] Phong Lê (2020). “*Tô Hoài: Những điều còn phải viết*”; dẫn theo *Tọa đàm Tô Hoài - nhà văn của mọi lứa tuổi*. NXB Kim Đồng, Hà Nội.
- [6] Trần Đình Sử (2018). *Đọc văn học văn*. NXB Tri thức, Hà Nội.
- [7] Trần Văn Tuấn, Trầm Thanh Tuấn (2023). *Dạy học truyền đồng thoại bậc trung học cơ sở theo định hướng phát triển năng lực*. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cửu Long, số 28, tr. 89-90.
- [8] Trịnh Bích Thùy (2021). *Về đẹp triết lý trong trích đoạn Bài học đường đời đầu tiên*. Nguồn: <https://giaoducthoidai.vn/ve-dep-triet-ly-trong-trich-doan-bai-hoc-duong-doi-dau-tien-post526076.html>, ngày 14/9/2021.
- [9] Văn Thanh (tuyển chọn và giới thiệu) (2000). *Tô Hoài - những tác phẩm tiêu biểu (trước 1945)*. NXB Giáo dục, Hà Nội.